

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/HS-ST**

Ngày: 20 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chấn, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2021/TLST-HS, ngày 29 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Màu Văn T, sinh năm 1981, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Dân tộc: Thổ; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 01/12; Con ông Màu Văn T1, sinh năm 1953 và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958; Bị cáo có vợ là Lê Thị Tuyết L, sinh năm 1986 và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2009). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt bị tạm giữ từ ngày 04/3/2021 đến ngày 10/3/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt.

Bị hại: Bà Châu Thị N, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn P1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 03/3/2021, sau khi uống cà phê ở chợ xã E1, huyện K, Màu Văn T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền. T đi bộ trên đường bờ nương thủy lợi từ xã E1 đến khu vực xã E để tìm kiếm nhà dân có sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Khi đi đến đoạn nhà canh rẫy của bà Châu Thị N ở tại thôn P2, xã E, huyện K không khóa nên T đi vào khu vực chuồng bò, rồi tháo dây cột và dắt trộm 01 (một) con bò lai thường, giống cái, màu lông đen ra ngoài. Sau đó T dắt bò đi theo hướng dọc bờ nương thủy lợi để tìm nơi cất giấu bò, khi đi đến đoạn buôn K'M, xã H, huyện K thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Vật chứng bị tạm giữ: 01 (Một) con bò lai thường, giống cái, màu lông đen, trọng lượng 280kg (cân tại thời điểm ngày 04/3/2021).

Ngày 12/3/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả 01 (Một) con bò lai thường, giống cái, màu lông đen, trọng lượng 280kg là vật chứng của vụ án cho bà Châu Thị N là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 08/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 (một) con bò lai thường, màu lông đen, giống cái, có trọng lượng 280kg có trị giá tại thời điểm thiệt hại ngày 03/3/2021 là 25.200.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS-HS ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo Màu Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Màu Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Màu Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Màu Văn T đã tự nguyện bồi thường cho bà Châu Thị N số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Bà N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho bà Châu Thị N 01 (Một) con bò lai thường, giống cái, màu lông đen, trọng lượng 280kg.

Bị cáo không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ nhất vì bị cáo đã ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định: Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 20 giờ 20 phút, ngày 03/3/2021, tại khu vực chuồng bò của bà Châu Thị N, ở tại thôn P2, xã E, huyện K, Màu Văn T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 con bò cái, màu lông đen của bà N, trị giá 25.200.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, hai trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Màu Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Nên, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 173 BLHS quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết được mọi hành vi xâm hại trái phép đến tài sản của người khác sẽ bị pháp luật trừng trị. Song do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ tư lợi cá nhân muốn có tiền tiêu xài, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người bị hại trong việc quản lý tài sản nên đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Châu Thị N là 01 con bò cái, màu lông đen, có trị giá là 25.200.000 đồng. Như vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã thu hồi và trả lại cho người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại được bị hại xin bãi nại, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên nhận thức và hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế. Như vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy HĐXX xét thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Màu Văn T đã tự nguyện bồi thường cho bà Châu Thị N số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả lại cho bà Châu Thị N 01 (Một) con bò lai thường, giống cái, màu lông đen, trọng lượng 280kg.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc đề nghị về tội danh, mức hình phạt, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của vụ án là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ quan điểm của đại diện Viện Kiểm Sát.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc bị cáo Màu Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Màu Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Màu Văn T **09 (Chín)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/3/2021 đến ngày 10/3/2021.

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc bị cáo Màu Văn T đã tự nguyện bồi thường cho bà Châu Thị N số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Bà N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã trả lại cho bà Châu Thị N 01 (Một) con bò lai thường, giống cái, màu lông đen, trọng lượng 280kg.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Bị cáo Màu Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Thông báo quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Công an huyện K;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam